TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST- HNGĐ	*B, ngày 04 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, điều 213; Khoản 4 điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Sùng Thị D, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Anh Sùng A D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Sùng Thị D và anh Sùng A D có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, chị Sùng Thị D và anh Sùng A D có nơi cư trú tại huyện B, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai thụ lý việc dân sự để giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Sùng A D kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 25/10/2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2005. Như vậy hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Sùng A D là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Tại đơn yêu cầu và bản tự khai chị D và anh D cho rằng anh, chị kết hôn với nhau được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xẩy ra và ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, từ đó không còn yêu thương, tôn trọng nhau, việc ai người đó làm, thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị D và anh D đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D và anh D thuận tình ly hôn nhau, xét thấy sự thuận tình của anh, chị là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và Gia đình, cần được công nhận.

[4] Về con: Chị Sùng Thị D và anh Sùng A D có hai người con chung, cháu lớn Sùng A Q, sinh ngày 09/10/2006; cháu nhỏ Sùng A T, sinh ngày 25/6/2009. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận, chị Sùng Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng A T đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Sùng A D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng A Q đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy chị D và anh D đều có đủ điều kiện nuôi con và sự thỏa thuận của anh, chị trùng với nguyện vọng của con, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình, nên được công nhận.

[5] Về tài sản: Chị Sùng Thị D và Anh Sùng A D không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí: Chị D và anh D thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Sùng A D thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sùng A T, sinh ngày 25/6/2009 cho đến khi cháu trưởng thành đủ18 tuổi. Anh Sùng A D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sùng A Q, sinh ngày 09/10/2006 cho đến khi cháu trưởng thành đủ18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Chị Sùng Thị D và anh Sùng A D mỗi người phải chịu lệ phí việc dân sự là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai số 0002137 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị Sùng Thị D và anh Sùng A D đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện (02);
- T.H.A DS huyện;
- UBND xã D, huyện B;
- Người yêu cầu(2);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Đức Quang